Bên thứ ba toàn cầu dùng FedEx 10kg Box & 25kg Box

Việt Nam Giá cước Box cho bên thứ ba toàn cầu

Dành cho các lô hàng International Priority Express

(Giá cước không bao gồm các phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu) [1]

Ngày có hiệu lực: 4 tháng 1 năm 2027

Vui lòng tham khảo Bảng khu vực và Bảng mã vùng để biết phân loại khu vực chi tiết

FedEx 10kg Box (41,5 x 34 x 27 cm)																		
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R
Giá cước cố định cho tối đa 10 kg (VND)	4.844.065	7.607.946	7.675.768	6.297.450	7.440.137	10.556.924	8.122.381	8.242.525	9.553.816	10.674.844	13.333.004	12.060.954	12.010.240	12.979.926	16.827.454	21.739.293	4.798.750	7.536.777
Khu vực	S	T	U	V	W	X	Y	Z	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
Giá cước cố định cho tối đa 10 kg (VND)	7.603.965	6.297.450	7.370.538	10.458.169	8.122.381	8.165.421	9.464.444	10.674.844	13.333.004	11.959.412	11.909.124	12.870.646	16.685.782	21.739.293	11.909.124	12.870.646	16.685.782	
Lô hàng trên 10 kg: Áp dụng giá cước niêm yết cho bên thứ ba toàn cầu dùng International Priority Express (IPE) mà không có chiết khấu.																		
FedEx 25kg Box (56 x 44 x 35 cm)																		
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R
Giá cước cố định cho tối đa 25 kg (VND)	8.364.883	11.788.020	12.724.558	9.718.283	12.308.687	18.628.010	13.756.842	14.151.238	16.404.724	18.697.824	22.502.868	20.618.355	19.217.094	19.566.281	27.639.512	34.272.412	8.286.633	11.677.749
Khu vực	S	T	U	V	W	X	Y	Z	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
Giá cước cố định cho tối đa 25 kg (VND)	12.605.525	9.718.283	12.193.545	18.453.753	13.756.842	14.018.861	16.251.266	18.697.824	22.502.868	20.444.768	19.055.303	19.401.550	27.406.812	34.272.412	19.055.303	19.401.550	27.406.812	
Lô hàng trên 25 kg: Áp dụng giá cước niêm yết cho bên thứ ba toàn cầu dùng International Priority Express (IPE) mà không có chiết khấu.																		

Chú thích:

[1] Tất cả giá cước không bao gồm tất cả các loại thuế được áp dụng. Để biết thông tin về các phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu, vui lòng tham khảo chi tiết tại Phụ phí và thông tin khác.

Ghi chú:

- Giá cước bên thứ ba toàn cầu chỉ dành cho các khách hàng đã đăng ký dịch vụ bên thứ ba toàn cầu của FedEx. Với các khách hàng khác, giá cước xuất khẩu sẽ áp dụng dựa trên quốc gia/vùng lãnh thổ nơi gửi hàng. Để tìm hiểu xem bạn có đủ điều kiện tham gia dịch vụ bên thứ ba toàn cầu của FedEx không, hãy liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng của FedEx.
- Giá cước trên không được chiết khấu thêm. Phụ phí nhiên liệu và các phí đặc biệt khác sẽ được áp dụng.
- Vui lòng sử dụng một vận đơn hàng không cho mỗi lô hàng dùng FedEx 10kg Box hoặc 25kg Box.
- Trọng lượng tối đa được khuyến nghị là 25 kg với FedEx 10kg Box và 44 kg với FedEx 25kg Box.
- Không được gửi hàng hóa nguy hiểm bằng FedEx 10kg hoặc 25kg Box.
- IPE chỉ có ở các vùng có mã zip đã chọn. Vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng của chúng tôi để biết chi tiết về nơi nhận hàng.
- Các mức giá trên được tính theo bước tăng 1 kg. Bất kỳ phần lẻ nào của một kilôgam vượt quá 0,01 kg sẽ được làm tròn lên mức trọng lượng tính cước kế tiếp.

➡ Vui lòng tham khảo Bảng khu vực và Bảng mã vùng

Bên thứ ba toàn cầu dùng FedEx 10kg Box & 25kg Box

Việt Nam Giá cước Box cho bên thứ ba toàn cầu

Dành cho các lô hàng International Priority

(Giá cước không bao gồm các phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu) [1]

Ngày có hiệu lực: 4 tháng 1 năm 2027

Vui lòng tham khảo Bảng khu vực và Bảng mã vùng để biết phân loại khu vực chi tiết

FedEx 10kg Box (41,5 x 34 x 27 cm)																		
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R
Giá cước cố định cho tối đa 10 kg (VND)	4.613.395	7.245.663	7.310.255	5.997.571	7.085.845	10.054.213	7.735.601	7.850.024	9.098.872	10.166.518	12.698.099	11.486.623	11.438.324	12.361.834	16.026.147	20.704.089	4.570.238	7.177.883
Khu vực	S	T	U	V	W	X	Y	Z	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
Giá cước cố định cho tối đa 10 kg (VND)	7.241.871	5.997.571	7.019.560	9.960.161	7.735.601	7.776.591	9.013.756	10.166.518	12.698.099	11.389.916	11.342.023	12.257.758	15.891.221	20.704.089	11.342.023	12.257.758	15.891.221	
Lô hàng trên 10 kg: Áp dụng giá cước niêm yết cho bên thứ ba toàn cầu dùng International Priority (IP) mà không có chiết khấu.																		
FedEx 25kg Box (56 x 44 x 35 cm)																		
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R
Giá cước cố định cho tối đa 25 kg (VND)	7.966.555	11.226.686	12.118.627	9.255.508	11.722.559	17.740.962	13.101.754	13.477.370	15.623.547	17.807.451	21.431.303	19.636.529	18.301.994	18.634.553	26.323.345	32.640.392	7.892.031	11.121.666
Khu vực	S	T	U	V	W	X	Y	Z	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
Giá cước cố định cho tối đa 25 kg (VND)	12.005.262	9.255.508	11.612.900	17.575.003	13.101.754	13.351.296	15.477.396	17.807.451	21.431.303	19.471.208	18.147.908	18.477.667	26.101.726	32.640.392	18.147.908	18.477.667	26.101.726	
Lô hàng trên 25 kg: Áp dụng giá cước niêm yết cho bên thứ ba toàn cầu dùng International Priority (IP) mà không có chiết khấu.																		

Chú thích:

[1] Tất cả giá cước không bao gồm tất cả các loại thuế được áp dụng. Để biết thông tin về các phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu, vui lòng tham khảo chi tiết tại Phụ phí và thông tin khác.

Ghi chú:

- Giá cước bên thứ ba toàn cầu chỉ dành cho các khách hàng đã đăng ký dịch vụ bên thứ ba toàn cầu của FedEx. Với các khách hàng khác, giá cước xuất khẩu sẽ áp dụng dựa trên quốc gia/vùng lãnh thổ nơi gửi hàng. Để tìm hiểu xem bạn có đủ điều kiện tham gia dịch vụ bên thứ ba toàn cầu của FedEx không, hãy liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng của FedEx.
- Giá cước trên không được chiết khấu thêm. Phụ phí nhiên liệu và các phí đặc biệt khác sẽ được áp dụng.
- Vui lòng sử dụng một vận đơn hàng không cho mỗi lô hàng dùng FedEx 10kg Box hoặc 25kg Box.
- Trọng lượng tối đa được khuyến nghị là 25 kg với FedEx 10kg Box và 44 kg với FedEx 25kg Box.
- Không được gửi hàng hóa nguy hiểm bằng FedEx 10kg hoặc 25kg Box.
- Các mức giá trên được tính theo bước tăng 1 kg. Bất kỳ phần lẻ nào của một kilôgam vượt quá 0,01 kg sẽ được làm tròn lên mức trọng lượng tính cước kế tiếp.

➡ Vui lòng tham khảo Bảng khu vực và Bảng mã vùng